

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI**

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

MÃ NGÀNH: 8760101

Hà Nội, 2022

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo.....	3
1.2. Thông tin chung.....	3
1.3. Triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi	3
1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals)	5
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs).....	6
1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.....	16
1.8. Các phương pháp đánh giá.....	23
1.9. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)	27
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY	44
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy.....	44
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy.....	44
2.3. Danh sách học phần.....	47
2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	50
2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra	58
2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra	59
2.7. Tiến trình giảng dạy	67
2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần	69
2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo.....	75
III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	85

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Công tác xã hội được xây dựng theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo Thạc sĩ Công tác xã hội có đủ kiến thức tổng quát chung, có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề và ứng dụng vào can thiệp trong các bối cảnh và các nhóm đối tượng khác nhau thông qua các khối kiến thức và kỹ năng đa dạng trong lĩnh vực Công tác xã hội.

1.2. Thông tin chung

Bảng 1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành CTXH

Tên chương trình đào tạo	Công tác xã hội
Mã ngành đào tạo	8760101
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Thời gian đào tạo	2 năm
Tên gọi văn bằng	Thạc sĩ Công tác xã hội
Trường cấp bằng	Trường Đại học Lao động - Xã hội
Khoa quản lý	Công tác xã hội
Số tín chỉ yêu cầu	60 tín chỉ
Website	www.uls.edu.vn
Fanpage	
Ban hành	Quyết định số 1425A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

1.3. Triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

1.3.1. Triết lý giáo dục

- **Giáo dục toàn diện (Comprehensive education):** Giáo dục toàn diện tại Trường Đại học Lao động - Xã hội được tổ chức có kế hoạch, có mục đích nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, cảm xúc và kỹ năng trên cơ sở đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, giữa học tập và hoạt động ngoại khóa.

- **Kiến tạo tương lai (Creating the future):** Trường Đại học Lao động - Xã hội là môi trường kiến tạo tương lai thông qua việc xây dựng thói quen học tập và tư duy tích cực cho người học; Hoạch định công việc cho tương lai; Đúc rèn ý chí quyết tâm để đạt được ước mơ, hoài bão; Tối ưu hóa việc sử dụng thời gian; Đánh giá đúng đắn và kiên định với mục tiêu; Đối thoại tích cực, giao tiếp hiệu quả. Nhà trường cung cấp môi

trường học tập và rèn luyện để người học có đủ năng lực kiến tạo tương lai cho chính bản thân.

- **Vươn tầm hội nhập (Reaching integration):** Trường Đại học Lao động - Xã hội kiến tạo môi trường học tập và nghiên cứu cho người học tiếp cận và bắt kịp trình độ, chuẩn mực tiên tiến thông qua việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo tương đồng với các trường đại học trong khu vực và thế giới; hợp tác đào tạo và nghiên cứu với các đối tác quốc tế. Nhà trường tạo môi trường để người học nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ, tác phong làm việc, kỹ năng hội nhập, qua đó tạo nền tảng cho việc hội nhập.

1.3.2. *Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi*

Bảng 1.2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Lao động - Xã hội và Khoa Công tác xã hội

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Công tác xã hội
Sứ mạng	Trường Đại học Lao động - Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất của ngành Lao Động Thương binh và Xã hội trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao theo định hướng ứng dụng với thế mạnh là các ngành Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Bảo hiểm, Kế toán và Quản trị kinh doanh; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế.	Thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội thông qua việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như chuyển giao tri thức, công nghệ trong các lĩnh vực công tác xã hội từ đó đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển và hội nhập sâu rộng của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội cũng như cộng đồng, xã hội.
Tầm nhìn	Đến năm 2030, Trường Đại học Lao động - Xã hội trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy tín trong khu vực ASEAN	Đến năm 2030, Khoa công tác xã hội phấn đấu là cơ sở uy tín hàng đầu trong lĩnh vực đào tạo sau đại học ngành công tác xã hội ở Việt Nam nhằm cung cấp nguồn nhân lực CTXH chất lượng cao cho cộng đồng xã hội.

	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Khoa Công tác xã hội
Giá trị cốt lõi	<ul style="list-style-type: none"> • Chuyên nghiệp. • Sáng tạo • Hội nhập 	<p>Chuyên nghiệp: nghiên cứu ứng dụng, giảng dạy và học tập trong môi trường chuyên nghiệp.</p> <p>Sáng tạo: phong cách học tập và làm việc độc lập, năng động, thích ứng nhanh với các bối cảnh trong lĩnh vực CTXH.</p> <p>Hội nhập: Hội nhập là đối sánh và tiếp thu những thành tựu khoa học - công nghệ mới với các nước tiên tiến và ứng dụng một cách có chọn lọc với thực tiễn của cơ sở đào tạo.</p>

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals)

1.4.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công tác xã hội được xây dựng theo định hướng ứng dụng trang bị cho học viên những kiến thức nền tảng về công tác xã hội, các kiến thức về sức khoẻ hành vi của con người, bối cảnh thực tiễn trong việc phát triển các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cũng như những kiến thức cập nhật về chính sách liên quan tới lĩnh vực công tác xã hội. Ngoài ra, học viên cũng được trang bị những kiến thức chung và kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội để học viên có khả năng thực hiện và vận dụng những kết quả nghiên cứu vào các hoạt động can thiệp chuyên sâu với các nhóm đối tượng khác nhau. Học viên sau khi học xong sẽ có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực công tác xã hội, có khả năng điều phối, quản lý, giám sát việc cung cấp các dịch vụ xã hội một cách hiệu quả; đề xuất cũng như hỗ trợ tham gia vào thực hiện các nghiên cứu, phân tích và tư vấn chính sách xã hội cũng như đào tạo về công tác xã hội.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Có kiến thức tổng quát và các khối kiến thức như triết học, an sinh xã hội, tâm lý học hành vi, xã hội học... làm cơ sở trong việc vận dụng vào các học phần chuyên ngành trong lĩnh vực CTXH.

PO2: Có kiến thức thực hành ứng dụng và khả năng nghiên cứu độc lập từ đó vận dụng vào các hoạt động trong công tác xã hội.

PO3: Có kiến thức công tác xã hội chuyên sâu trong việc giải quyết vấn đề hoặc đáp ứng nhu cầu với từng nhóm đối tượng xã hội tập trung vào các lĩnh vực về tham vấn cũng như quản lý trường hợp trong hỗ trợ các nhóm đối tượng đa dạng khác nhau như trẻ em bị xâm hại, phụ nữ bị bạo lực gia đình, người nghèo, người khuyết tật, trẻ tự kỷ, người tâm thần và các lĩnh vực khác trong CTXH...

PO4: Có kiến thức về quản trị các cơ sở cung cấp dịch vụ, các dự án phát triển cộng đồng cũng như kiểm huấn nhân viên để từ đó thực hiện được tốt các công việc của người trưởng nhóm, lãnh đạo cơ sở.

PO5: Thực hành các kỹ năng quan sát, phân tích, đánh giá, thực hành nghề nghiệp với các nhóm đối tượng yếu thế khác nhau và trang bị cho người học những kỹ năng phân tích và đánh giá, biện hộ và đề xuất được những nội dung liên quan tới các chương trình, chính sách đặc thù với các nhóm đối tượng.

PO6: Có thái độ tôn trọng pháp luật và chính sách của Đảng và Nhà nước; có năng lực ngoại ngữ và thái độ cầu thị trong việc học tập, nâng cao trình độ về phương pháp luận và tư duy khoa học sáng tạo; nghiêm túc, trách nhiệm trong công việc. Luôn có thái độ hoà nhã và sẵn sàng giúp đỡ đối tượng và đồng nghiệp trong công việc. Nâng cao trách nhiệm và thái độ đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

PLO1: Vận dụng được các kiến thức cốt lõi về cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống cũng như vận dụng được những tri thức về triết học, các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực công tác xã hội, chính sách xã hội và an sinh xã hội với các nhóm thân chủ.

PLO2: Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức liên ngành về kinh tế, quản trị học cũng như phân tích và hoạch định chính sách xã hội an sinh xã hội, các kiến thức chuyên sâu về tham vấn tâm lý để phân tích và giải quyết vấn đề của các nhóm thân chủ.

PLO3: Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu, phát triển các kiến thức mang tính ứng dụng bổ sung vào hệ thống lý thuyết, phương pháp và ứng dụng hiệu quả trong thực hành Công tác xã hội và quản trị Công tác xã hội

PLO4: Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức về các hành vi, kiến thức quản lý lãnh đạo trong việc hoạch định, xây dựng và quản lý việc cung ứng các dịch vụ công tác xã hội trong các cơ sở bảo trợ xã hội và ngoài cộng đồng.

PLO5: Hiểu và vận dụng thành thạo kiến thức về quản lý trường hợp và tham vấn với các nhóm thân chủ của Công tác xã hội.

PLO6: Phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện, chuyên sâu khi làm việc với các nhóm thân chủ khác nhau trong các cơ sở bảo trợ xã hội và tại cộng đồng, có kỹ năng đánh giá tác động của từng chính sách đến các nhóm thân chủ, điều phối, giám sát cung cấp dịch vụ xã hội và có khả năng nghiên cứu độc lập, phân tích tư vấn các chính sách xã hội.

PLO7: Phân tích tổng hợp được các vấn đề nghiên cứu, triển khai thiết kế các can thiệp cung cấp dịch vụ CTXH trong các cơ sở trợ giúp cũng như các kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH.

PLO8: Thành thạo kỹ năng thực hành chuyên sâu Công tác xã hội cá nhân, nhóm, phát triển kỹ năng xây dựng dự án phát triển cộng đồng ứng dụng để trợ giúp các nhóm đối tượng đặc thù trong bệnh viện, trường học, cộng đồng và cơ sở bảo trợ xã hội và các trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng đối tượng. Đồng thời có kỹ năng phát hiện, giải quyết độc lập những vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong thực tiễn, có kỹ năng lồng ghép giới.

PLO9: Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, tổ chức và quản trị Công tác xã hội trong các môi trường đa dạng, phức tạp, cung cấp dịch vụ công tác xã hội

PLO10: Hiểu và vận dụng được các kỹ năng trong trị liệu tâm lý, nghiên cứu hành vi, đánh giá hành vi của các nhóm thân chủ

PLO11: Có lập trường, quan điểm rõ ràng, có thái độ chính trị, lập trường đúng đắn, hình thành bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức Cách Mạng; có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội, vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề Công tác xã hội trong việc thực hiện, vai trò và nhiệm vụ chuyên môn.

PLO12: Tự giác, luôn cập nhật kiến thức mới về nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập và thích nghi với các môi trường làm việc nhóm trong các điều kiện khác nhau; chịu trách nhiệm và tinh thần trách nhiệm với xã hội và nghề nghiệp, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cũng như có khả năng giám sát người khác hoàn thành nhiệm vụ.

PLO13: Có khả năng lập kế hoạch tự học cũng như điều phối, quản lý các nguồn lực nhằm tích lũy thêm kiến thức, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có trách nhiệm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, vấn đề thực tiễn trong hoạt động Công tác xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển Nghề Công tác xã hội.

PLO14: Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường.

Bảng 1.3. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra chương trình

Mã hóa	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể					
		PO1	PO2	PO3	PO 4	PO 5	PO6
I. KIẾN THỨC							
CDR1 (PLO1)	Vận dụng được các kiến thức cốt lõi về cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống cũng như vận dụng được những tri thức về triết học, các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực công tác xã hội, chính sách xã hội và an sinh xã hội với các nhóm thân chủ.	x					x
CDR2 (PLO2)	Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức liên ngành về kinh tế, quản trị học cũng như phân tích và hoạch định chính sách xã hội an sinh xã hội, các kiến thức chuyên sâu về tham vấn tâm lý để phân tích và giải quyết vấn đề của các nhóm thân chủ.	x		x			
CDR3 (PLO3)	Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu, phát triển các kiến thức mang tính ứng dụng bổ sung vào hệ thống lý thuyết, phương pháp và ứng dụng hiệu quả trong thực hành Công tác xã hội và quản trị Công tác xã hội	x		x	x		
CDR4 (PLO4)	Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức về các hành vi, kiến thức quản lý lãnh đạo trong việc hoạch định, xây dựng và	x		x	x		

	quản lý việc cung ứng các dịch vụ công tác xã hội trong các cơ sở bảo trợ xã hội và ngoài cộng đồng.					
CDR5 (PLO5)	Hiểu và vận dụng thành thạo kiến thức về quản lý trường hợp và tham vấn với các nhóm thân chủ của Công tác xã hội.		X	X	X	
II. VỀ KỸ NĂNG						
CDR6 (PLO6)	Phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện, chuyên sâu khi làm việc với các nhóm thân chủ khác nhau trong các cơ sở bảo trợ xã hội và tại cộng đồng, có kỹ năng đánh giá tác động của từng chính sách đến các nhóm thân chủ, điều phối, giám sát cung cấp dịch vụ xã hội và có khả năng nghiên cứu độc lập, phân tích tư vấn các chính sách xã hội.		X	X	X	
CDR7 (PLO7)	Phân tích tổng hợp được các vấn đề nghiên cứu, triển khai thiết kế các can thiệp cung cấp dịch vụ CTXH trong các cơ sở trợ giúp cũng như các kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH	X	X			
CDR8 (PLO8)	Thành thạo kỹ năng thực hành chuyên sâu Công tác xã hội cá nhân, nhóm, phát triển kỹ năng xây dựng dự án phát triển cộng đồng ứng dụng để trợ giúp các nhóm đối tượng đặc thù trong bệnh viện, trường học, cộng đồng và cơ sở bảo trợ xã hội và các trung tâm chăm sóc và nuôi	X	X		X	

	đương đối tượng. Đồng thời có kỹ năng phát hiện, giải quyết độc lập những vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong thực tiễn, có kỹ năng lòng ghép giới.						
CDR9 (PLO9)	Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, tổ chức và quản trị Công tác xã hội trong các môi trường đa dạng, phức tạp, cung cấp dịch vụ công tác xã hội		x		x	x	
CDR10 (PLO10)	Hiểu và vận dụng được các kỹ năng trong trị liệu tâm lý, nghiên cứu hành vi, đánh giá hành vi của các nhóm thân chủ	x		x		x	
III. NĂNG LỰC TỰ CHỦ TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM							
CDR11 (PLO11)	Có lập trường, quan điểm rõ ràng, có thái độ chính trị, lập trường đúng đắn, hình thành bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức Cách Mạng; có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội, vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề Công tác xã hội trong việc thực hiện, vai trò và nhiệm vụ chuyên môn.	x					x
CDR12 (PLO12)	Tự giác, luôn cập nhật kiến thức mới về nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập và thích nghi với các môi trường làm việc nhóm trong các điều kiện khác nhau; chịu trách nhiệm và tinh thần trách nhiệm với xã hội và nghề nghiệp, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công	x		x			x

	việc với áp lực cao cũng như có khả năng giám sát người khác hoàn thành nhiệm vụ.					
CDR13 (PLO13)	Có khả năng lập kế hoạch tự học cũng như điều phối, quản lý các nguồn lực nhằm tích lũy thêm kiến thức, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có trách nhiệm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, vấn đề thực tiễn trong hoạt động Công tác xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển Nghề Công tác xã hội.	x			x	x
IV. TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ						
CDR14 (PLO14)	Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường	x				x

**Bảng 1.4. Đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT ngành công tác xã hội đáp ứng
Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực**

	Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
CĐR1 (PLO1)	Vận dụng được các kiến thức cốt lõi về cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống cũng như vận dụng được những tri thức về triết học, các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực công tác xã hội, chính sách xã hội và an sinh xã hội với các nhóm thân chủ.	K1+S1	4/6
CĐR2 (PLO2)	Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức liên ngành về kinh tế, quản trị học cũng như phân tích và hoạch định chính sách xã hội an sinh xã hội, các kiến thức chuyên sâu về tham vấn tâm lý để phân tích và giải quyết vấn đề của các nhóm thân chủ.	S3+S5	3/6
CĐR3 (PLO3)	Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu, phát triển các kiến thức mang tính ứng dụng bổ sung vào hệ thống lý thuyết, phương pháp và ứng dụng hiệu quả trong thực hành Công tác xã hội và quản trị Công tác xã hội	S1+S4	5/6
CĐR4 (PLO4)	Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức về các hành vi, kiến thức quản lý lãnh đạo trong việc hoạch định, xây dựng và quản lý việc cung ứng các dịch vụ công tác xã hội trong các cơ sở bảo trợ xã hội và ngoài cộng đồng.	S4	3/6
CĐR5 (PLO5)	Hiểu và vận dụng thành thạo kiến thức về quản lý trường hợp và tham	S4	3/6

	vấn với các nhóm thân chủ của Công tác xã hội.		
II. VỀ KỸ NĂNG			
CDR6 (PLO6)	Phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện, chuyên sâu khi làm việc với các nhóm thân chủ khác nhau trong các cơ sở bảo trợ xã hội và tại cộng đồng, có kỹ năng đánh giá tác động của từng chính sách đến các nhóm thân chủ, điều phối, giám sát cung cấp dịch vụ xã hội và có khả năng nghiên cứu độc lập, phân tích tư vấn các chính sách xã hội.	S2+S3+S4	4/6
CDR7 (PLO7)	Phân tích tổng hợp được các vấn đề nghiên cứu, triển khai thiết kế các can thiệp cung cấp dịch vụ CTXH trong các cơ sở trợ giúp cũng như các kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH	S3+S5	2/6
CDR8 (PLO8)	Thành thạo kỹ năng thực hành chuyên sâu Công tác xã hội cá nhân, nhóm, phát triển kỹ năng xây dựng dự án phát triển cộng đồng ứng dụng để trợ giúp các nhóm đối tượng đặc thù trong bệnh viện, trường học, cộng đồng và cơ sở bảo trợ xã hội và các trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng đối tượng. Đồng thời có kỹ năng phát hiện, giải quyết độc lập những vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong thực tiễn, có kỹ năng lòng ghép giới.	S1+S2+S3+S4	3/6
CDR9 (PLO9)	Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, tổ chức và quản trị Công tác xã hội trong các môi trường đa dạng, phức tạp, cung cấp dịch vụ công tác xã hội	K3+S1+S3	4/6

CDR10 (PLO10)	Hiểu và vận dụng được các kỹ năng trong trị liệu tâm lý, nghiên cứu hành vi, đánh giá hành vi của các nhóm thân chủ	K2+K3+S2	3/6
III. NĂNG LỰC TỰ CHỦ TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
CDR11 (PLO11)	Có lập trường, quan điểm rõ ràng, có thái độ chính trị, lập trường đúng đắn, hình thành bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức Cách Mạng; có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội, vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề Công tác xã hội trong việc thực hiện, vai trò và nhiệm vụ chuyên môn.	C1	3/6
CDR12 (PLO12)	Tự giác, luôn cập nhật kiến thức mới về nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập và thích nghi với các môi trường làm việc nhóm trong các điều kiện khác nhau; chịu trách nhiệm và tinh thần trách nhiệm với xã hội và nghề nghiệp, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cũng như có khả năng giám sát người khác hoàn thành nhiệm vụ.	C3+C4	3/6
CDR13 (PLO13)	Có khả năng lập kế hoạch tự học cũng như điều phối, quản lý các nguồn lực nhằm tích lũy thêm kiến thức, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có trách nhiệm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, vấn đề thực tiễn trong hoạt động Công tác xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển Nghề Công tác xã hội.	C1+C4	4/6
IV. TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ			

CDR14 (PLO14)	Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường	S5	4/6
--------------------------	---	-----------	------------

Danh mục các chuẩn đối sánh:

(1) TDNL - Trình độ năng lực chung:

Bảng 1.5. Thang trình độ năng lực chung

Thang TDNL	Khả năng hoạt động	Khả năng nhận thức
1.0	Có thể nhớ lại các vấn đề	Khả năng Nhớ vấn đề
2.0	Có thể nắm được ý nghĩa của vấn đề	Khả năng Hiểu vấn đề
3.0	Có thể áp dụng thông tin đã biết vào một tình huống	Khả năng Vận dụng vấn đề
4.0	Có khả năng chia vấn đề thành những phần nhỏ để chỉ ra các mối liên hệ	Khả năng Phân tích vấn đề
5.0	Có khả năng đưa ra nhận định về vấn đề	Khả năng Đánh giá vấn đề
6.0	Có khả năng tạo ra cái mới	Khả năng Sáng tạo vấn đề

(2) Khung TDQG - Khung trình độ quốc gia - bậc 7

Kiến thức (K):

K1. Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc ngành đào tạo.

K2. Kiến thức liên ngành có liên quan.

K3. Kiến thức chung về quản trị và quản lý.

Kỹ năng (S):

S1. Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học

S2. Kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.

S3. Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến

S4. Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.

S5. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):

C1. Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.

C2. Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.

C3. Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

C4. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

1.6. Cơ hội việc làm và học tập

1.6.1. Cơ hội việc làm

Cán bộ quản lý, triển khai các chương trình, dự án tại các cơ quan thuộc của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội cũng như trong các ban, ngành đoàn thể khác như Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn thanh niên...

Điều phối viên, quản lý các chương trình, dự án xã hội trong các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước có chức năng nhiệm vụ liên quan tới phát triển xã hội, công tác xã hội, an sinh xã hội.

Làm việc tốt trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ trực tiếp và điều phối quản lý việc cung cấp các dịch vụ xã hội đó tại các cơ sở cung cấp dịch vụ khác như trong bệnh viện, trường học...

Nghiên cứu tại các viện nghiên cứu về các lĩnh vực liên quan đến công tác xã hội, chính sách xã hội, an sinh xã hội, dịch vụ xã hội.

1.6.2. Cơ hội học tập

Người học có thể đăng ký thi tuyển học tập nâng cao trình độ ở cấp học tiến sĩ đào tạo trong nước và ngoài nước. Đồng thời, có thể chủ động nghiên cứu, phát hiện, giải quyết vấn đề độc lập trong quá trình tích lũy kinh nghiệm, tri thức nâng cao trình độ.

1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.7.2. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành công tác xã hội được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm 60 tín chỉ tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ và các quy định hiện hành khác của Trường Đại học Lao động – Xã hội. Chương trình đào tạo được thiết kế với thời gian đào tạo là 2 năm.

1.7.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động – Xã hội ban hành ngày 06/01/2022, người học được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ ngành Công tác xã hội khi có đủ các điều kiện sau:

(1) Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập

(2). Nhà trường tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công đề án; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn, đề án.

1.7.4. Hệ thống tính điểm

Điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

Điểm trung bình

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A: 3,7

B+: 3,5 B: 3,0

C+: 2,5 C: 2,0

D+: 1,5 D: 1,0

F+: 0,5 F: 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \cdot x \cdot n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i : là điểm học phần thứ i

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i

n : là tổng số học phần

1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập

1.8.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

1. **TLM1 - Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)**: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

2. **TLM2 - Thuyết giảng (Lecture)**: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

3. **TLM3 - Tham luận (Guest Lecture)**: Theo phương pháp này, người học tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình đến từ các tổ chức ngoài trường. Thông qua những trao đổi chia sẻ những kinh nghiệm, hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về ngành đào tạo.

4. **TLM4 - Câu hỏi gợi mở (Inquiry)**: Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

1.8.2. Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm

5. **TLM5 - Trò chơi (Game)**: Trò chơi là hoạt động mô phỏng, hoặc các cuộc thi được chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi cung cấp cho người học cơ hội nâng cao kiến thức thực tế, ra quyết định và kỹ năng giao tiếp, được thiết kế để đạt được những kỳ vọng được xác định rõ ràng như làm việc nhóm, phát triển kỹ năng hoặc cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp người học nhận ra rằng quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đến bản thân cũng như của những người khác cùng tham gia.

6. **TLM6 - Thực tập, thực tế (Field Trip):** Thông qua các hoạt động tham quan, đi thực tế tại công ty, doanh nghiệp... để giúp cho người học tiếp cận và hiểu được môi trường thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không chỉ giúp cho người học hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp.

7. **TLM7 - Thào luận (Discussion):** Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra.

1.8.3. Dạy kỹ năng tư duy

8. **TLM8 – Giải quyết vấn đề (Problem Solving):** Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần.

9. **TLM9 – Học theo tình huống (Case study):** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu.

10. **TLM17- Sơ đồ tư duy (Mindmap):** Trong số các phương pháp dạy học tích cực, kỹ thuật mindmap còn được gọi là kỹ thuật sơ đồ tư duy được đánh giá rất cao. Vì với cách học bằng sơ đồ, người học sẽ dùng đến hình ảnh, sơ đồ để mở rộng cũng như đào sâu các kiến thức, ý tưởng để ghi chép lại bài học theo sự logic từ đó phát triển tư duy của họ theo hướng tích cực.

11. **TLM19- Phương pháp thẻ màu (Colouring card)** Đây là phương pháp được giảng viên áp dụng nhằm giúp người học tư duy về thành những nhóm vấn đề khác nhau. Thông thường giảng viên sẽ viết sẵn những nhóm vấn đề/chủ đề lên bảng và sau đó đưa các thẻ màu cho người học để họ viết những suy nghĩ, quan điểm của họ lên thẻ màu và sau đó dán lên bảng vào những ô tương ứng. Cuối cùng giảng viên sẽ tổng hợp các ý kiến từ thẻ màu đó

1.8.4. Dạy học tương tác

12. **TLM10 - Học nhóm (Teamwork Learning):** Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

13. **TLM18- Bể cá (Aquarium):** Là việc thiết kế lớp thành nhiều nhóm trong đó một

nhóm người học ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những nhóm khác ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của nhóm thảo luận. Trong nhóm thảo luận có thể có một vị trí không có người ngồi. Người học tham gia nhóm quan sát có thể ngồi vào chỗ đó và đóng góp ý kiến vào cuộc thảo luận, ví dụ đưa ra một câu hỏi đối với nhóm thảo luận hoặc phát biểu ý kiến khi cuộc thảo luận bị chững lại trong nhóm.

1.8.5. Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy

14. **TLM11 – Nghiên cứu độc lập:** Phương pháp này phát triển khả năng của người học trong việc lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp đối với chủ đề một cách độc lập dưới sự hướng dẫn của các giảng viên. Phương pháp này cũng tăng cường động lực học và tích cực tham gia học tập vì người học được phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày.

15. **TLM12 – Dự án Nghiên cứu (Research Project):** Người học nghiên cứu một chủ đề nào đó liên quan đến học phần và viết báo cáo.

16. **TLM13 – Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team):** Người học được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo.

1.8.6. Dạy học dựa vào công nghệ

17. **TLM14 - Học trực tuyến (E-Learning):** Thông qua hệ thống phần mềm quản trị đào tạo, giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của người học.

1.8.7. Tự học

18. **TLM15- Bài tập ở nhà (Work Assignment):** Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Các phương pháp dạy học nói trên giúp cho người học đạt được chuẩn đầu ra (PLOs), được thể hiện trong bảng 1.6 dưới đây.

Bảng 1.6. Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)

Chiến lược và phương pháp dạy và học (TLMs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Dạy học trực tiếp														
TLM1	Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
TLM2	Thuyết giảng (Lecture)	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x			
TLM3	Tham luận (Guest Lecture)	x	x		x	x	x		x		x	x			
TLM4	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
II	Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm														
TLM5	Trò chơi (Game)	x	x	x		x									
TLM6	Thực tập. thực tế (Field Trip)		x	x	x		x	x	x		x				
TLM7	Thảo luận (Discussion)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
III	Dạy kỹ năng tu duy														
TLM8	Giải quyết vấn đề (Problem Solving)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
TLM9	Học theo tình huống (Case Study)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
TLM17	Sơ đồ tư duy (Mindmap)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
TLM19	Phương pháp thẻ màu (Colouring card)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
IV	Dạy học tương tác														
TLM10	Học nhóm (Teamwork Learning)	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x			
TLM18	Bể cá (Aquarium)	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x			
V	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy														
TLM11	Nghiên cứu độc lập		x	x	x	x	x	x	x		x				
TLM12	Dự án nghiên cứu (Research Project)		x	x	x	x	x	x	x						

Chiến lược và phương pháp dạy và học (TLMs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
TLM13	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)							x	x						
VI	Dạy học dựa vào công nghệ														
TLM14	Học trực tuyến (E-Learning)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
VII	Tự học														
TLM15	Bài tập ở nhà (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				

1.8. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả của người học là quá trình ghi chép, lưu trữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục định kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường, Khoa thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi tham dự học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người dự học, phụ huynh và nhà quản lý; được tổng hợp, phân tích định kỳ. Từ đó, Nhà trường, Khoa, Bộ môn, giảng viên kịp thời có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy và học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần môn học để lựa chọn các phương pháp, nội dung đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo tiện hành của nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy của từng học phần.

1.8.1. Đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment)

- **Đánh giá chuyên cần** (Attendance Check):

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp,... trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp cho người học tập cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric tùy thuộc vào tính chất học phần quy định (lý thuyết, thực hành,...).

- **Đánh giá bài tập** (Work Assignment):

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.

- **Đánh giá thuyết trình** (Oral Presentation):

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được

1.8.2. Đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment)

Mục tiêu của lại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy- học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được ULSA, Khoa sử dụng loại đánh giá này gồm: kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), thuyết trình (oral presentation), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment), thực hành (practice), báo cáo thực tập, khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp (graduation report/Thesis).

- **Kiểm tra viết (Written Exam):**

Theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

- **Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam):**

Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.

- **Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam):**

Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá này được thể hiện trong rubric 5.

- **Viết báo cáo (Written Report):**

Người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ,... trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo rubric.

- **Thuyết trình (Oral Presentation):**

Phương pháp này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiến trình theo rubric 4, Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

- **Đánh giá làm việc nhóm** (Teamwork Assessment):

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học (như: tổ chức, quản lí, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động nhóm; phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm).

- **Thực hành** (practice):

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu thực hành phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

- **Thực tập** (Final Internship):

Được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

- **Đề án tốt nghiệp thạc sĩ ngành công tác xã hội** (Final Internship):

Được đánh giá bởi Hội đồng bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

Bảng 1.7. Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá (AMs) nhằm đạt Chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs													
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đánh giá theo tiến trình (Ongoing, Formative Assessment)														
AM1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
AM2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x					
AM3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	x	x	x	x	x	x	x	x	x					
11	Đánh giá tổng kết, định kỳ (Sum mative Assessment)														
AM4	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
AM5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
AM6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x					
AM7	Viết báo cáo (Written Report)		x	x	x	x	x	x	x						
AM8	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)	x	x	x	x	x	x		x	x	x				
AM9	Thực hành (Practice)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x				
AM10	Báo cáo thực tập, đề án tốt nghiệp (Graduation Report. Thesis)	x	x	x	x	x	x	x	x						

1.9. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Bảng 1.8. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO1: Vận dụng được các kiến thức cốt lõi về cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu để phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn công việc và cuộc sống cũng như vận dụng được những tri thức về triết học, các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực công tác xã hội, chính sách xã hội và an sinh xã hội với các nhóm thân chủ.	TRH101	Triết học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX201	Phân tích và hoạch định chính sách	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX 306	Công tác xã hội với an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM17	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX310	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX311	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX.312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX313	Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng	TLM2, TLM4, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	TLM2, TLM4, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM4,
	CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX.322	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM2, AM4, AM8
	CTX.423	Thực tập ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTX.524	Đề án tốt nghiệp ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7, AM9, AM10.
PLO2: Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức liên ngành về kinh tế, quản trị học cũng như	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX201	Phân tích và hoạch định chính sách	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
phân tích và hoạch định chính sách xã hội an sinh xã hội, các kiến thức chuyên sâu về tham vấn tâm lý để phân tích và giải quyết vấn đề của các nhóm thân chủ..	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	TLM1, TLM2, TLM3,	AM1, AM2, AM4,
	CTX 306	Công tác xã hội với an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM17	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX311	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX.312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX313	Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng	TLM2, TLM4, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	TLM2, TLM4, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM2, AM4, AM8
	CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX.423	Thực tập ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTX.524	Đề án tốt nghiệp ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7, AM9, AM10.

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO3: Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu, phát triển các kiến thức mang tính ứng dụng bổ sung vào hệ thống lý thuyết, phương pháp và ứng dụng hiệu quả trong thực hành Công tác xã hội và quản trị Công tác xã hội	CTX203	Giới và phát triển bền vững	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX310	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX311	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX.423	Thực tập ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTX.524	Đề án tốt nghiệp ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7, AM9, AM10.
PLO4: Hiểu và vận dụng thành thạo các kiến thức về các hành vi, kiến thức quản lý lãnh đạo trong việc hoạch định, xây dựng và quản lý việc cung ứng các dịch vụ công tác xã hội trong các cơ sở bảo trợ xã hội và ngoài cộng đồng.	CTX201	Phân tích và hoạch định chính sách	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX202	Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX 204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX205	Hành vi lệch chuẩn xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15, TLM19	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7
	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX313	Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng	TLM2, TLM4, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	TLM2, TLM4, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM4,
	CTX.322	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM2, AM4, AM8
	CTX.423	Thực tập ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTX.524	Đề án tốt nghiệp ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7, AM9, AM10.

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO5: Hiểu và vận dụng thành thạo kiến thức về quản lý trường hợp và tham vấn với các nhóm thân chủ của Công tác xã hội.	CTX.322	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM2, AM4, AM8
	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX.423	Thực tập tốt nghiệp ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTX.524	Đề án tốt nghiệp ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7, AM9, AM10.
PLO6: Phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện, chuyên sâu khi làm việc với các nhóm thân chủ khác nhau trong các cơ sở bảo trợ xã hội và tại cộng đồng, có kỹ năng đánh giá tác động của từng chính sách đến các nhóm thân chủ, điều phối, giám sát cung cấp dịch vụ xã hội và có khả năng nghiên cứu độc lập, phân tích tư vấn các chính sách xã hội.	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX 306	Công tác xã hội với an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM17	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15, TLM19	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM15	AM1,AM2,AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX310	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2,AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX311	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2,AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX.322	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM2, AM4, AM8
	CTX.423	Thực tập ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTX.524	Đề án tốt nghiệp ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7, AM9, AM10.
PLO7: Phân tích tổng hợp được các vấn đề nghiên cứu, triển khai thiết kế các can thiệp cung cấp dịch vụ CTXH trong các cơ sở trợ giúp cũng	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
như các kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH				
	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX 306	Công tác xã hội với an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15, TLM17	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	TLM2, TLM4, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM4,
	CTX.322	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM2, AM4, AM8
	CTX.423	Thực tập ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTX.524	Đề án tốt nghiệp ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7, AM9, AM10.
PLO8: Thành thạo kỹ năng thực hành chuyên	CTX203	Giới và phát triển bền vững	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
sâu Công tác xã hội cá nhân, nhóm, phát triển kỹ năng xây dựng dự án phát triển cộng đồng ứng dụng để trợ giúp các nhóm đối tượng đặc thù trong bệnh viện, trường học, cộng đồng và cơ sở bảo trợ xã hội và các trung tâm chăm sóc và nuôi dưỡng đối tượng. Đồng thời có kỹ năng phát hiện, giải quyết độc lập những vấn đề liên quan đến công tác xã hội trong thực tiễn, có kỹ năng lồng ghép giới.	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15, TLM19	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7
	CTX310	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX311	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	TLM2, TLM4, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM2, AM4, AM8
	CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX.423	Thực tập ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX.524	Đề án tốt nghiệp ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7, AM9, AM10.
PLO9: Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, tổ chức và quản trị Công tác xã hội trong các môi trường đa dạng, phức tạp, cung cấp dịch vụ công tác xã hội	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	TLM1, TLM2, TLM3,	AM1, AM2, AM4,
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15, TLM19	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7
	CTX.423	Thực tập ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTX.524	Đề án tốt nghiệp ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7, AM9, AM10.
PLO10: Hiểu và vận dụng được các kỹ năng trong trị liệu tâm lý, nghiên cứu hành vi, đánh giá hành vi của các nhóm thân chủ	CTX202	Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8 TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX205	Hành vi lệch chuẩn xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15, TLM19	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7
	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM2, AM4, AM8
	CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX.322	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM2, AM4, AM8
PLO11: Có lập trường, quan điểm rõ ràng, có thái độ chính trị, lập trường đúng đắn, hình thành bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức Cách Mạng; có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội, vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề Công tác xã hội trong việc thực hiện, vai trò và nhiệm vụ chuyên môn.	CTX203	Giới và phát triển bền vững	TLM2, TLM4, TLM7, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX205	Hành vi lệch chuẩn xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15, TLM19	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX310	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX311	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX.423	Thực tập ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTX.524	Đề án tốt nghiệp ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7, AM9, AM10.
PLO12: Tự giác, luôn cập nhật kiến thức mới về nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập và thích nghi với các môi trường làm việc nhóm trong các điều kiện khác nhau; chịu trách nhiệm và tinh thần trách nhiệm với xã hội và nghề nghiệp, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cũng như có khả năng giám sát người	TRH101	Triết học	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
khác hoàn thành nhiệm vụ.				
	CTX201	Phân tích và hoạch định chính sách	TLM1, TLM2, TLM4, LM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX202	Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8 TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	TLM1, TLM2, TLM3,	AM1, AM2, AM4,
	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX 306	Công tác xã hội với an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15, TLM19	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX313	Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng	TLM2, TLM4, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM4,

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	TLM2, TLM4, TLM9, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2, AM4,
	CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM4,
	CTX318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM2, AM4, AM8
	CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7,	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX.322	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM2, AM4, AM8
	CTX.423	Thực tập ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9
	CTX.524	Đề án tốt nghiệp ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7, AM9, AM10.

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
PLO13: Có khả năng lập kế hoạch tự học cũng như điều phối, quản lý các nguồn lực nhằm tích lũy thêm kiến thức, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có trách nhiệm làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, vấn đề thực tiễn trong hoạt động Công tác xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển Nghề Công tác xã hội.	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX 306	Công tác xã hội với an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15, TLM19	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8
	CTX310	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 1	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX311	Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 2	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM12, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8, AM9
	CTX.423	Thực tập ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM7, AM9

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX.524	Đề án tốt nghiệp ngành CTXH	TLM1, TLM4, TLM8, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7, AM9, AM10.
PLO14: Người học tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường	CTX201	Phân tích và hoạch định chính sách	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX202	Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8 TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX 306	Công tác xã hội với an sinh xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM8
	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM14, TLM15, TLM19	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7
	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM11, TLM12, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM4, AM7, AM8

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Tên học phần		Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng	Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng
	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	TLM1, TLM2, TLM4, TLM14, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7
	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ bị xâm hại	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7	AM1, AM2, AM4, AM8

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ tích lũy. Trong đó:

Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy ngành CTXH

Stt	Khối kiến thức và lập luận về ngành	Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Phần 1. Kiến thức chung	6	10
2	Phần 2. Kiến thức cơ sở	12	20
	Phần kiến thức ngành bắt buộc	6	10
	Phần kiến thức ngành tự chọn	6	10
3	Phần 3. Kiến thức ngành	27	45
	Phần kiến thức chuyên sâu bắt buộc	15	25
	Phần kiến thức chuyên sâu tự chọn	12	20
4	Phần 4. Thực tập ngành CTXH	6	10
5	Phần 5. Đề án tốt nghiệp ngành CTXH	9	15
Tổng số		60	100%

2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy

2.2.1. Khối kiến thức chung (6 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học:

- Những kiến thức cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung về xã hội và con người.
- Những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

2.2.2. Khối kiến thức cơ sở (12 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho học viên:

- Kiến thức về phân tích và hoạch định chính sách cơ sở của hoạch định chính sách, quy trình hoạch định chính sách, yêu cầu của phân tích chính sách, các điều kiện để tiến hành phân tích chính sách và các giai đoạn phân tích chính sách.
- Kiến thức tổng quan sức khỏe hành vi, các mô hình can thiệp sức khỏe hành vi ở các nước cũng như ở Việt Nam.

- Cung cấp kiến thức về mối quan hệ giữa chủ thể lãnh đạo, quản lý và đối tượng lãnh đạo, quản lý nhằm tìm ra quy luật, tính quy luật và những nguyên tắc, quy trình, phương pháp hình thành và phát triển kỹ năng lãnh đạo, quản lý.

- Cung cấp các kiến thức lý luận cơ bản trong tiếp cận nghiên cứu các vấn đề của giới và phát triển và bền vững, vận dụng các phương pháp khoa học trong việc lồng ghép giới đối với các chương trình, chính sách và dự án.

- Cung cấp phương pháp, quy trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng dựa trên nền kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng như một phương pháp của công tác xã hội và dựa trên tổng quan về xây dựng và quản lý dự án nói chung.

- Cung cấp những kiến thức về cơ sở lý luận về hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, các lý thuyết và quan điểm về sai lệch chuẩn mực xã hội, nhận diện, đánh giá một số hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội trong xã hội hiện đại.

2.2.3. Khối kiến thức chuyên ngành (27 tín chỉ)

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho học viên:

- Kiến thức về công tác xã hội với an sinh xã hội: khái niệm, mục đích vai trò của công tác xã hội với an sinh xã hội, các hoạt động công tác xã hội với an sinh xã hội, kiến thức về hệ thống chính sách an sinh xã hội, chương trình an sinh xã hội ở Việt Nam.

- Kiến thức về Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội: kỹ năng trong việc quản lý, điều hành, tổ chức để phát triển cơ quan, đơn vị nhằm đạt được các mục tiêu của cơ quan là cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho xã hội.

- Kiến thức Kiểm huấn trong Công tác xã hội và Nghiên cứu ứng dụng trong Công tác xã hội

- Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 1, 2: học viên cũng sẽ tham gia trực tiếp vào thực hiện các hoạt động công tác xã hội hỗ trợ những nhóm đối tượng yếu thế như Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người tâm thần.

- Kiến thức về Phúc lợi gia đình và trẻ em kiến thức mục đích, vai trò của phúc lợi xã hội, hệ thống cung cấp dịch vụ phúc lợi cho gia đình và trẻ em, các chương trình hỗ trợ trẻ em và gia đình, các vấn đề phúc lợi trẻ em hiện nay của Việt Nam

- Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng:

- Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học, quản lý trường hợp với người tâm thần, quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ, quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo...

- Tham vấn điều trị nghiện ma túy, Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại, Tham vấn trong bệnh viện, tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình.

2.2.4. Thực tập ngành CTXH (06 tín chỉ)

Học phần thực tập tốt nghiệp tập trung vào hoàn thiện và nâng cao khả năng vận dụng kiến thức quản trị CTXH của học viên để hình thành các kỹ năng làm việc với các đối tượng ở các cấp độ quản trị. Thông qua vận dụng một số phương pháp tiếp cận đa dạng trong quản trị CTXH từ cấp độ nhân viên, cấp độ tổ chức trên cơ sở trao quyền cho các nhóm đối tượng thực hiện quản trị tự nâng cao năng lực giải quyết vấn đề. Đồng thời học phần cũng giúp học viên vận dụng các kiến thức để nhận diện, đánh giá, tổng hợp và phân tích các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước, các chương trình xã hội trong việc hỗ trợ đối tượng giải quyết vấn đề và đề xuất những giải pháp mang tính hệ thống phù hợp và hiệu quả tới những nhà hoạch định chính sách và các cơ sở, tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội để góp phần thực hiện an sinh xã hội.

2.2.5. Đề án tốt nghiệp ngành CTXH (09 tín chỉ)

Học phần đề án tốt nghiệp dựa trên những kiến thức nâng cao ở bậc sau đại học trong lĩnh vực công tác xã hội trong việc giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy phản biện vào việc nghiên cứu và ứng dụng một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành công tác xã hội.

Bảng 2.2. Ma trận liên hệ giữa các khối kiến thức và Chuẩn đầu ra (PLOs)

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Chuẩn đầu ra (PLOs)													
		SL	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Kiến thức chung	6	10	M	H	L	M	M	M	M	M	M	L	M	L	L	L
2	Kiến thức cơ sở	12	20	M	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H	H	M	L
3	Kiến thức ngành	27	45	M	M	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	L
4	Thực tập	06	10	M	M	H	H	H	H	H	M	H	M	H	H	H	M
5	Đề án tốt nghiệp	09	15	M	M	H	H	H	H	H	M	H	M	H	H	H	M

Chú thích: H - Cao, M - Trung bình, L - Thấp

2.3. Danh sách học phần

Bảng 2.3. Danh sách các học phần trong chương trình giảng dạy ngành CTXH

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức chung				6						
	TRH101	Triết học	Philosophy	4	4	0	0	0		
	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methodology	2	2	0	0	0		
1.2 Kiến thức cơ sở										
1.2.1	Các học phần bắt buộc			6						
1.2.1.1	CTX201	Phân tích và hoạch định chính sách	Analyzing and planing social policy	3	3	0	0	0		
1.2.1.2	CTX202	Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội	Integrated Behavioral Health in Social work	3	3	0	0	0		
1.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần sau)			6						
1.2.2.1	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	Leadership and Management Skills	3	3	0	0	0		
1.2.2.2	CTX203	Giới và phát triển bền vững	Gender and sustainable development	3	3	0	0	0		

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.2.2.3	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	Developing and Managing Project for Community Development	3	3	0	0	0		
1.2.2.4	CTX205	Hành vi lệch chuẩn xã hội	Deviance behavior social	3	3	0	0	0		
1.3 Kiến thức ngành										
1.3.1	Các học phần bắt buộc			15						
1.3.1.1	CTX306	Công tác xã hội với An sinh xã hội	Social Work with Social Security/Protection	3	3	0	0	0		
1.3.1.2	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	Administration in developing social work service facilities	3	3	0	0	0		
1.3.1.3	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong Công tác xã hội	Research apply in social work	2	2	0	0	0		
1.3.1.4	CTX310	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 1	Specilized Social work Practice 1	2	0	2	0	0		
1.3.1.5	CTX311	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 2	Specilized Social work Practice 2	2	0	2	0	0		
1.3.1.6	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	Child and family welfare	3	3	0	0	0		

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.2	Học phần tự chọn (<i>chọn 4 trong 10 học phần sau</i>)			12						
1.3.2.1	CTX313	Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng	Function development for People with disability based community	3	3	0	0	0		
1.3.2.2	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	Case management with child abused in school	3	3	0	0	0		
1.3.2.3	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	Case management with metal disorder person	3	3	0	0	0		
1.3.2.4	CTX316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	Case management with child autism	3	3	0	0	0		
1.3.2.5	CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	Case management in supporting livelihoods of the poor	3	3	0	0	0		
1.3.2.6	CTX318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	Counseling for drug abused	3	3	0	0	0		
1.3.2.7	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	Psychology consultation for abused children	3	3	0	0	0		
1.3.2.8	CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	Counseling in hospital	3	3	0	0	0		

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.2.9	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	Counseling with victim suffering from domestic violence	3	3	0	0	0		
1.3.2.10	CTX322	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	Case management with drug abuser	3	3	0	0	0		
1.4 Thực tập ngành CTXH (CTX.423)			Final internship of social work	06						
1.5. Đề án tốt nghiệp ngành CTXH (CTX.524)			Graduation thesis of social work	09						
Tổng cộng				60						

2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs													
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ, chịu trách nhiệm			Trình độ Ngoại ngữ
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
1.1 Kiến thức chung																
1.1.1.1	TRH101	Triết học	I, T, U											I, T, U		
1.1.1.2	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học		I, T				I, T, U	T, U							
1.2 Kiến thức cơ sở																
1.2.1	Các học phần bắt buộc															
1.2.1.1	CTX201	Phân tích và hoạch định chính sách	I, T, U	I, T, U		T, U								U		U
1.2.1.2	CTX202	Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội				I, T						T, U		U		U

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs													
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ, chịu trách nhiệm			Trình độ Ngoại ngữ
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
1.2.2	Các học phần tự chọn (<i>chọn 2 trong 4 học phần sau</i>)															
1.2.2.1	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý		I, T, U							I, T, U			U		
1.2.2.2	CTX203	Giới và phát triển bền vững			I, T, U					I, T, U			T, U			
1.2.2.3	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng				I, T,			I, T, U	I, T, U			I, T, U	I, T, U	I, T, U	
1.2.2.4	CTX205	Hành vi lệch chuẩn xã hội				I, T						I, T, U	I, T, U			

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs													
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ, chịu trách nhiệm			Trình độ Ngoại ngữ
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
1.3 Kiến thức cơ sở ngành																
1.3.1	Các học phần bắt buộc															
1.3.1.1	CTX306	Công tác xã hội với an sinh xã hội	I, T	I, T				I, T, U	I, T, U				T, U	T, U	I, T, U	
1.3.1.2	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội				I, T		I, T		I, T, U	I, T, U	I, T, U	T, U	T, U	I, U	I, T, U
1.3.1.3	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong Công	I, T		I, T			T, U	T, U				T, U	T, U	T, U	I, T

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs													
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ, chịu trách nhiệm			Trình độ Ngoại ngữ
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
		tác xã hội														
1.3.1.4	CTX310	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 1	I, T, U		I, T, U	I, T, U	I, T, U	T, U		T, U			T, U		T, U	
1.3.1.5	CTX311	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 2	I, T		I, T	I, T	I, T	I, T, U		I, T, U			T, U		T, U	
1.3.1.6	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	I, T, U	I, T, U		I, T, U		I, T, U	I, T, U				T, U		T, U	
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 4 trong 10 học phần sau)															
1.3.2.1																
1.3.2.2	CTX313	Phục hồi	I, T, U	I, T, U		I, T, U								U		

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs													
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ, chịu trách nhiệm			Trình độ Ngoại ngữ
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
		chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng														
1.3.2.3	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	I, T, U			I, T, U			I, T, U					T, U		T, U
1.3.2.4	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	I, T			I, T			I, T, U					T, U		
1.3.2.5	CTX316	Quản lý trường	I, T			I, T			I, T, U					T, U		

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs													
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ, chịu trách nhiệm			Trình độ Ngoại ngữ
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
		hợp với trẻ tự kỷ														
1.3.2.6	CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	I, T, U			I, T, U			I, T, U					T, U		
1.3.2.7	CTX318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy		I, T						I, T, U				I, T, U		
1.3.2.8	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại		I, T, U						I, T, U		I, T, U		T, U	T, U	
1.3.2.9	CTX320	Tham vấn trong	I, T		I, T, U					I, T, U		I, T, U		T, U		

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs													
			Kiến thức					Kỹ năng					Mức tự chủ, chịu trách nhiệm			Trình độ Ngoại ngữ
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
		bệnh viện														
1.3.2.1 0	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	I, T	I, T, U						I, T, U		I, T, U		T, U		
1.3.2.1 1	CTX322	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	I, T				I, T, U	I, T, U				I, T, U		T, U		
1.4. Thực tập ngành CTXH			T, U	T, U	T, U	T, U	T, U	T, U	T, U	T, U	T, U		T, U	T, U	T, U	
1.5. Đề án tốt nghiệp ngành CTXH			I, T	I, T	I, T	I, T	I, T	T, U	T, U	T, U	T, U		T, U	T, U	T, U	

Ghi chú: I - Introduce, T - Teach, U - Utilize

2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

Bảng 2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs																		
			TLM 1	TLM 2	TLM3	TLM 4	TLM 5	TLM 6	TLM 7	TLM 8	TLM 9	TLM 10	TLM 11	TLM 12	TLM 13	TLM 14	TLM 15	TLM 16	TLM 17	TLM 18	TLM 19
1.1 Kiến thức chung																					
1.1.1.1	TRH 101	Triết học	x	x		x			x	x		x					x				
1.1.1.2	PPN 102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x	x		x			x	x		x					x				
1.2 Kiến thức cơ sở																					
1.2.1	Các học phần bắt buộc																				
1.2.1.1	CTX 201	Phân tích và hoạch định chính sách	x	x		x			x	x							x				
1.2.1.2	CTX 202	Sức khỏe hành vi	x	x		x			x	x							x				

		trong Công tác xã hội																		
1.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần sau)																			
1.2.2.1	QT N30 7	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	x	x		x														
1.2.2.2	CTX 203	Giới và phát triển bền vững		x		x		x		x						x				
1.2.2.3	CTX 204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	x	x		x		x								x				x
1.2.2.4	CTX 205	Hành vi lệch	x	x		x										x				x

2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra

		chuẩn xã hội																		
1.3 Kiến thức cơ sở ngành																				
1.3.1	Các học phần bắt buộc																			
1.3.1.1	CTX 306	Công tác xã hội với An sinh xã hội	x	x		x			x							x		x		
1.3.1.2	CTX 307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	x	x		x			x							x				x
1.3.1.3	CTX 309	Nghiên cứu ứng dụng trong Công	x	x		x			x			x	x			x				

Bảng 2.6. Bảng ma trận phương pháp đánh giá các học phần đáp ứng chuẩn đầu ra

		tác xã hội																		
1.3.1.4	CTX 310	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 1	x	x		x			x	x				x						
1.3.1.5	CTX 311	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 2	x	x		x			x	x				x						
1.3.1.6	CTX 312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	x	x		x			x	x										
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 4 trong 10 học phần sau)																			
1.3.2.1	CTX 313	Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa		x		x					x									

		vào cộng đồng																		
1.3.2.2	CTX 314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học		x		x					x									
1.3.2.3	CTX 315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	x	x		x														
1.3.2.4	CTX 316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	x	x		x														
1.3.2.5	CTX 317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh	x	x		x														

		kế người nghèo																		
1.3.2.6	CTX 318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	x	x		x			x											
1.3.2.7	CTX 319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	x	x		x			x											
1.3.2.8	CTX 320	Tham vấn trong bệnh viện	x	x		x			x											
1.3.2.9	CTX 321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	x	x		x			x											
1.3.2.10	CTX 322	Quản lý truồng	x	x		x			x											

		g hợp với người nghiên cứu																	
1.4. Thực tập ngành CTXH			x			x			x				x						
1.5. Đề án tốt nghiệp ngành CTXH			x			x			x				x						

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs									
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
1.1 Kiến thức chung												
1.1.1.1	TRH101	Triết học	x	x		x			x			
1.1.1.2	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x	x		x						
1.2 Kiến thức cơ sở												
1.2.1	Các học phần bắt buộc											
1.2.1.1	CTX201	Phân tích và hoạch định chính sách	x	x	x	x				x		
1.2.1.2	CTX202	Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội	x	x	x	x				x		
1.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)											
1.2.2.1	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	x	x		x						
1.2.2.2	CTX203	Giới và phát triển bền vững	x	x	x	x				x		

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs									
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
1.2.2.3	CTX204	Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng	x	x	x	x				x		
1.2.2.4	CTX205	Hành vi lệch chuẩn xã hội	x	x	x	x				x		
1.3 Kiến thức cơ sở ngành												
1.3.1	Các học phần bắt buộc											
1.3.1.1	CTX306	Công tác xã hội với An sinh xã hội	x	x	x	x			x			
1.3.1.2	CTX307	Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội	x	x	x	x			x			
1.3.1.3	CTX309	Nghiên cứu ứng dụng trong Công tác xã hội	x	x	x	x			x	x		
1.3.1.4	CTX310	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 1	x	x	x	x			x	x	x	
1.3.1.5	CTX311	Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 2	x	x	x	x			x	x	x	
1.3.1.6	CTX312	Phúc lợi gia đình và trẻ em	x	x	x	x				x		
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 4 trong 10 học phần sau)											
1.3.2.1	CTX313	Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng	x	x		x						
1.3.2.2	CTX314	Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học	x	x		x						

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs									
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
1.3.2.3	CTX315	Quản lý trường hợp với người tâm thần	x	x		x						
1.3.2.4	CTX316	Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ	x	x		x			x			
1.3.2.5	CTX317	Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo	x	x		x						
1.3.2.6	CTX318	Tham vấn điều trị nghiện ma túy	x	x		x			x			
1.3.2.7	CTX319	Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại	x	x		x			x			
1.3.2.8	CTX320	Tham vấn trong bệnh viện	x	x		x			x			
1.3.2.9	CTX321	Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình	x	x		x			x			
1.3.2.10	CTX322	Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy	x	x		x			x			
1.4 Thực tập ngành CTXH			x	x					x		x	x
1.5 Đề án tốt nghiệp ngành CTXH			x	x					x		x	x

2.7. Tiến trình giảng dạy

Bảng 2.7 Sơ đồ tiến trình đào tạo

SƠ ĐỒ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

Học kỳ I	Triết học (4TC)		Phương pháp nghiên cứu khoa học (2TC)		Phân tích và hoạch định chính sách (3TC)		Công tác xã hội với An sinh xã hội (3TC)		Kỹ năng lãnh đạo và quản lý (3TC)		Giới và phát triển bền vững (3TC)		Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng (3TC)		Hành vi lệch chuẩn (3TC)											
	Học phần tự chọn: Chọn 1/4 học phần (03 TC)																									
Học kỳ II	Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội (3TC)				Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ Công tác xã hội (3TC)				Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 1 (2TC)																	
Học kỳ III	Nghiên cứu ứng dụng trong Công tác xã hội (2TC)		Thực hành Công tác xã hội chuyên sâu 2 (2TC)		Phúc lợi gia đình và trẻ em (3TC)		Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng (3TC)		Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học (3TC)		Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ (3TC)		Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo (3TC)		Tham vấn điều trị nghiện ma túy (3TC)		Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại (3TC)		Tham vấn trong bệnh viện (3TC)		Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình (3TC)		Quản lý trường hợp với người tâm thần (3TC)		Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy (3TC)	
	Học phần tự chọn: Chọn 4/10 học phần (03 TC)																									

**Học kỳ
IV**

Thực tập ngành CTXH (06 TC)

Đề án tốt nghiệp ngành CTXH (09 TC)

2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

1. Triết học

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (*chương 1*: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (*chương 2*: Bản thể luận, *chương 3*: Phép biện chứng, *chương 4*: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (*chương 5*: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, *chương 6*: Triết học chính trị, *chương 7*: Ý thức xã hội, *chương 8*: Triết học về con người).

2. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Thông qua môn học, học viên sẽ nắm được các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, biết được mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu. Học viên sẽ nắm được các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Học phần cũng sẽ cung cấp cho người học các công cụ và phương pháp phân tích và xử lý dữ liệu như: SPSS, PLS-SEM, AMOS, Fuzzy AHP... Bên cạnh giờ giảng lý thuyết, học viên sẽ thực hiện đề án nghiên cứu để làm quen với việc tiến hành một nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội.

3. Phân tích và hoạch định chính sách xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này phân tích về quá trình hoạch định chính sách và những nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động phân tích chính sách. Học phần đề cập đến các nội dung như cơ sở của hoạch định chính sách, quy trình hoạch định chính sách, yêu cầu của phân tích chính sách, các điều kiện để tiến hành phân tích chính sách và các giai đoạn phân tích chính sách. Việc hoạch định và phân tích chính sách sẽ được thực hành trên một số chính sách xã hội cụ thể ở Việt Nam.

4. Sức khỏe hành vi trong Công tác xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần giúp học viên nắm được kiến thức tổng quan sức khỏe hành vi. Học phần đề cập đến các khái niệm sức khỏe hành vi, và các khái niệm liên quan, các mô hình can thiệp sức khỏe hành vi ở các nước cũng như ở Việt Nam. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức khái niệm, mục đích vai trò của nhân

viên công tác xã hội trong can thiệp tích hợp sức khỏe hành vi, một số vấn đề đạo đức đối với vai trò của nhân viên CTXH trong can thiệp sức khỏe hành vi. Đồng thời cũng cung cấp kiến thức về tiến trình can thiệp của CTXH trong sức khỏe hành vi và cập nhật những xu hướng mới trong can thiệp tích hợp sức khỏe hành vi.

5. Kỹ năng lãnh đạo và quản lý

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần Kỹ năng lãnh đạo và quản lý là học phần cơ sở, áp dụng chung trong chương trình đào tạo bậc thạc sĩ các ngành học. Học phần này nghiên cứu mối quan hệ giữa chủ thể lãnh đạo, quản lý và đối tượng lãnh đạo, quản lý nhằm tìm ra quy luật, tính quy luật và những nguyên tắc, quy trình, phương pháp hình thành và phát triển kỹ năng lãnh đạo, quản lý.

6. Giới và phát triển bền vững

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Môn học này trước hết cung cấp các kiến thức lý luận cơ bản trong tiếp cận nghiên cứu các vấn đề của giới và phát triển và bền vững. Tiếp đó là những phân tích khoa học về giới trong mối quan hệ với phát triển bền vững được nghiên cứu trọng tâm và dưới nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội. Cuối cùng môn học này đề cập đến việc vận dụng các phương pháp khoa học trong việc lồng ghép giới đối với các chương trình, chính sách và dự án.

7. Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Môn học này giới thiệu phương pháp, quy trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng dựa trên nền kiến thức cơ bản về phát triển cộng đồng như một phương pháp của công tác xã hội và dựa trên tổng quan về xây dựng và quản lý dự án nói chung. Ngoài ra, môn học cũng giới thiệu một số công cụ và phương pháp quan trọng hỗ trợ cho quá trình xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng, trong đó đáng chú ý là phương pháp tiếp cận khung logic cũng như phương pháp xây dựng khung logic. Môn học cung cấp các kỹ năng nhằm giúp người học hiểu và vận dụng được trong quá trình xây dựng và quản lý một dự án phát triển cộng đồng như các kỹ năng điều phối, lập kế hoạch... Môn học giúp người học có một thái độ đúng đắn trong khi thực hiện triển khai các hoạt động dự án tại cộng đồng

8. Hành vi lệch chuẩn xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức về cơ sở lý luận về hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, các lý thuyết và quan điểm về sai lệch chuẩn mực xã hội, nhận diện, đánh giá một số hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội trong xã hội hiện đại.

9. Công tác xã hội với an sinh xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần giúp học viên nắm được kiến thức tổng quan về an sinh xã hội. Học phần đề cập đến các khái niệm an sinh, các mô hình an sinh ở các nước cũng như ở Việt Nam, các hợp phần cơ bản của an sinh xã hội. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức khái niệm, mục đích vai trò của công tác xã hội với an sinh xã hội, các hoạt động công tác xã hội với an sinh xã hội. Đồng thời cũng cập nhật kiến thức về hệ thống chính sách an sinh xã hội, chương trình an sinh xã hội ở Việt Nam.

10. Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng trong việc quản lý, điều hành, tổ chức để phát triển cơ quan, đơn vị nhằm đạt được các mục tiêu của cơ quan là cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho xã hội. Những kỹ năng cốt lõi của quản trị như việc hoạch định chiến lược phát triển cơ quan nhằm triển khai thực hiện các chính sách xã hội thành dịch vụ xã hội liên quan đến tiến trình trong việc phát triển cơ quan phù hợp với tình hình chính trị, xã hội và kinh tế để đạt được việc phân phối các nguồn lực trong xã hội, đáp ứng các yêu cầu về an sinh xã hội. Môn học nhấn mạnh đến tinh thần làm việc hợp tác theo nhóm, thông qua hoạt động thực tiễn, nghiên cứu để đề xuất các chính sách xã hội cần thiết và phù hợp cho xã hội.

11. Nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội, các bước tiến hành nghiên cứu trong công tác xã hội, cách thức phát hiện, nắm bắt và lựa chọn vấn đề nghiên cứu; cách thiết kế nghiên cứu trong công tác xã hội học từ khâu xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng mục tiêu nghiên cứu, thao tác hoá khái niệm, xây dựng bộ công cụ cho thu thập thông tin; kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu, kỹ năng thiết kế các loại hình nghiên cứu trong công tác xã hội cho phù hợp với từng trường hợp nghiên cứu cụ thể.

12. Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Trong môn học này, học viên sẽ được vận dụng các kiến thức chuyên sâu của công tác xã hội vào làm việc với các nhóm đối tượng đặc thù trong các cơ sở/trung tâm công tác xã hội. Cụ thể là học viên sẽ vận dụng thái độ, nguyên tắc, tiến trình, kỹ năng công tác xã hội để phân tích đánh giá các hoạt động công tác xã hội tại các cơ sở đó. Ngoài ra, với sự kiểm huấn sát sao, học viên cũng sẽ tham gia trực

tiếp vào thực hiện các hoạt động công tác xã hội hỗ trợ những nhóm đối tượng yếu thế như Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người tâm thần.

13. Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Trong môn học này, học viên sẽ được vận dụng các kiến thức chuyên sâu của công tác xã hội vào làm việc với người dân và các nhóm đối tượng tại cộng đồng. Cụ thể là học viên sẽ vận dụng thái độ, nguyên tắc, tiến trình, kỹ năng công tác xã hội để phân tích đánh giá các hoạt động công tác xã hội đang được triển khai tại cộng đồng trong việc trợ giúp đối tượng. Ngoài ra, với sự kiểm huấn sát sao, học viên cũng sẽ tham gia trực tiếp vào thực hiện các hoạt động công tác xã hội nhằm hỗ trợ trực tiếp các nhóm đối tượng yếu thế tại cộng đồng thông qua việc huy động sức mạnh và sự tham gia của người dân, các cơ quan tổ chức và chính quyền địa phương.

14. Phúc lợi gia đình và trẻ em

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần giúp học viên nắm được kiến thức tổng quan về phúc lợi gia đình và trẻ em. Học phần đề cập đến các khái niệm phúc lợi xã hội, các thể chế pháp luật, các phương pháp tiếp cận quốc tế, mô hình phúc lợi xã hội ở các nước cũng như ở Việt Nam. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức mục đích, vai trò của phúc lợi xã hội, hệ thống cung cấp dịch vụ phúc lợi cho gia đình và trẻ em, các chương trình hỗ trợ trẻ em và gia đình, các vấn đề phúc lợi trẻ em hiện nay của Việt Nam. Học phần đồng thời giúp người học hiểu và phân tích được các vấn đề chính mà trẻ em và gia đình phải đối mặt, các tác động của các vấn đề xã hội đến sự phát triển của các dịch vụ xã hội cho gia đình và trẻ em.

15. Phục hồi chức năng người khuyết tật dựa vào cộng đồng

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần trình bày những kiến thức tổng quan, cơ bản, hệ thống về khuyết tật và người khuyết tật, phân loại khuyết tật, mô hình khuyết tật, kiến thức về Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng và năm lĩnh vực cơ bản trong phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng cho người khuyết tật (y tế, giáo dục, sinh kế, xã hội và tăng quyền).

16. Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này phân tích về các hoạt động quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học. Học phần đề cập đến những vấn đề chung về trẻ và trẻ bị xâm hại, gồm các khái niệm, nguyên tắc, vai trò của quản lý trường hợp với trẻ bị xâm hại.. Tiếp đó là quy trình quản lý trường hợp và các kỹ năng sử dụng trong quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học

17. Quản lý trường hợp với người tâm thần

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức về quản lý trường hợp với người tâm thần. Học phần đề cập đến các nội dung như mục đích, nguyên tắc, vai trò của quản lý trường hợp với người tâm thần. Bên cạnh đó học phần cũng đưa ra quy trình quản lý trường hợp trông chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần cũng như những kỹ năng cần thiết trong quá trình thực hiện quản lý trường hợp với người tâm thần.

18. Quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức về quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ. Học phần đề cập đến các nội dung như mục đích, nguyên tắc, vai trò của quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ. Bên cạnh đó học phần cũng đưa ra quy trình quản lý trường hợp trong chăm sóc và phục hồi chức năng cho trẻ tự kỷ cũng như những kỹ năng cần thiết trong quá trình thực hiện quản lý trường hợp với trẻ tự kỷ.

19. Quản lý trường hợp trong hỗ trợ sinh kế người nghèo

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp các kiến thức liên quan đến sinh kế, các nguồn lực để phát triển sinh kế, lý thuyết khung sinh kế bền vững; Các hoạt động công tác xã hội, các loại hình hỗ trợ sinh kế được thực hiện trên một số chính sách xã hội, các lý thuyết được vận dụng và thông qua vai trò và các của các nhân viên công tác xã hội trong hoạt động hỗ trợ sinh kế cho người nghèo.

20. Tham vấn điều trị nghiện ma túy

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về tham vấn, tham vấn cho người nghiện ma túy, yêu cầu chuyên môn của người tham vấn và đặc biệt đi sâu vào quy trình, kỹ năng tham vấn cho người nghiện. Bên cạnh đó học phần còn cung cấp cho người học những nội dung tham vấn gia đình người nghiện và những đối tượng đặc thù (như phụ nữ trẻ em) tham gia vào quá trình tham vấn điều trị nghiện ma túy.

21. Tham vấn tâm lý cho trẻ bị xâm hại

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng về tham vấn trị liệu tâm lý cho trẻ em bị xâm hại.

22. Tham vấn trong bệnh viện

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này thể hiện các nội dung về tham vấn trong

bệnh viện, tham vấn cho cá nhân bệnh nhân, nhóm bệnh nhân, người thân, người nhà bệnh nhân, đội ngũ y tế. Nội dung được mô tả chi tiết qua khái niệm, mục đích, ý nghĩa, quy trình và kỹ năng tham vấn cá nhân, tham vấn nhóm, tham vấn gia đình. Học viên được tham vấn về các hoạt động trong bệnh viện và nội dung luật pháp, chính sách, các chương trình, dịch vụ cụ thể trong bệnh viện. Bên cạnh đó, học phần còn thể hiện quá trình tham vấn cho những nhóm bệnh cụ thể của bệnh nhân. Học viên có thể thực hiện được các ca tham vấn cá nhân, gia đình, và tham vấn nhóm tại bệnh viện.

23. Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chung về tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình, đặc điểm tâm sinh lý nạn nhân bị bạo lực gia đình cũng như nhu cầu mong muốn của nạn nhân trong gia đình có bạo lực; Các loại hình tham vấn cá nhân, nhóm và tham vấn gia đình nạn nhân bị bạo lực; Các khái niệm; Nguyên tắc tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình và mối quan hệ đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn; Quy trình tham vấn và các kỹ năng, kỹ thuật tham vấn trong tham vấn cá nhân, tham vấn gia đình và tham vấn nhóm cho nạn nhân bị bạo lực gia đình.

24. Quản lý trường hợp với người nghiện ma túy

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng chung về công tác quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy: Vai trò, yêu cầu và nguyên tắc nền tảng trong quản lý trường hợp với người nghiện ma túy; Các kỹ năng như cần thiết trong quản lý trường hợp với người nghiện ma túy như kỹ năng thiết lập mối quan hệ, kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng thấu cảm, kỹ năng gắn kết thân chủ, kỹ năng liên kết, điều phối nguồn lực, kỹ năng vận động, kỹ năng giám sát.

25. Thực tập ngành Công tác xã hội

Số tín chỉ: 06 tín chỉ

Học phần thực tập tốt nghiệp tập trung vào hoàn thiện và nâng cao khả năng vận dụng kiến thức quản trị CTXH của học viên để hình thành các kỹ năng làm việc với các đối tượng ở các cấp độ quản trị. Thông qua vận dụng một số phương pháp tiếp cận đa dạng trong quản trị CTXH từ cấp độ nhân viên, cấp độ tổ chức trên cơ sở trao quyền cho các nhóm đối tượng thực hiện quản trị tự nâng cao năng lực giải quyết vấn đề. Đồng thời học phần cũng giúp học viên vận dụng các kiến thức để nhận diện, đánh giá, tổng hợp và phân tích các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước, các chương trình xã hội trong

việc hỗ trợ đối tượng giải quyết vấn đề và đề xuất những giải pháp mang tính hệ thống phù hợp và hiệu quả tới những nhà hoạch định chính sách và các cơ sở, tổ chức cung cấp dịch vụ xã hội để góp phần thực hiện an sinh xã hội.

26. Đề án tốt nghiệp ngành Công tác xã hội

Số tín chỉ: 09 tín chỉ

Học phần đề án tốt nghiệp dựa trên những kiến thức nâng cao ở bậc sau đại học trong lĩnh vực công tác xã hội trong việc giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy phản biện vào việc nghiên cứu và ứng dụng một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành công tác xã hội.

2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo

Trong quá trình xây dựng Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Công tác xã hội, Nhà trường đã tham khảo một số Chương trình đào tạo trong và ngoài nước. Cụ thể như sau:

- **Các chương trình trong nước:**

- Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội
- Học viện Phụ nữ Việt Nam

- **Các chương trình nước ngoài**

- California University United State

2.1.1. So sánh các chương trình đào tạo

Bảng 2.9. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo – USSH Hà Nội	Chương trình đào tạo CTXH – ULSA	Mức độ tương đồng
	Cấu trúc	Tổng: 64 tín chỉ - Khối kiến thức chung: 8 tín chỉ - Khối kiến thức chuyên ngành: 47 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 25 tín chỉ + Học phần tự chọn: 22 tín chỉ	Tổng: 60 tín chỉ - Khối kiến thức chung: 6 tín chỉ - Khối kiến thức cơ sở: 12 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 6 tín chỉ	Số lượng TC của ULSA ít hơn là 4 TC so với USSH Hà Nội. Có sự khác biệt trong cách gọi và cách phân chia chương trình đào tạo giữa 2 trường. USSH Hà Nội gọi là Khối kiến thức chung, Khối kiến thức chuyên

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội (USSH)		- Luận văn thạc sĩ: 9 tín chỉ + Học phần tự chọn: 6 tín chỉ - Khối kiến thức chuyên ngành: 27 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 15 tín chỉ + Học phần tự chọn: 12 tín chỉ - Thực tập: 06 tín chỉ - Đồ án tốt nghiệp 09 tín chỉ.	ngành. ULSA ngoài hai Khối kiến thức trên còn có thêm Khối kiến thức cơ sở. Khối kiến thức chung của cả hai trường đều có chung môn Triết, USSH có thêm Ngoại ngữ cơ bản. Mặc dù tổng số tín chỉ của hai trường không có sự chênh lệch nhiều nhưng ULSA có thêm các môn học của Khối kiến thức cơ sở. Ngoài ra các môn học trong khối kiến thức chuyên ngành của hai trường cũng có sự khác biệt lớn. Lý do là vì mỗi cơ sở đào tạo có những thế mạnh riêng nên thường lựa chọn các môn thuộc đặc thù của cơ sở mình.
	Nội dung	Các học phần có tên gọi khác là: 1. Xây dựng triển khai và đánh giá chính sách 2. Tổ chức và phát triển cộng đồng	Các học phần có tên gọi khác là: 1. Phân tích và hoạch định chính sách 2. Xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng 3. Hành vi lệch chuẩn

		<p>3. Hành vi con người và môi trường</p> <p>4. Phát triển và đánh giá dịch vụ CTXH</p> <p>5. Kỹ năng nghiên cứu trong CTXH</p> <p>6. Ứng dụng lý thuyết trong thực hành CTXH</p> <p>7. Thực hành CTXH tại cơ sở</p> <p>8. Kỹ thuật và mô hình thực hành CTXH và chính sách xã hội với gia đình</p> <p>9. Thực hành CTXH trong trường học</p> <p>10. Thực hành CTXH trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng</p> <p>11. Xây dựng và triển khai các dự án xóa đói giảm nghèo</p>	<p>4. Quản trị trong phát triển tổ chức cung cấp dịch vụ công tác xã hội</p> <p>5. Nghiên cứu ứng dụng trong CTXH</p> <p>6. Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 1</p> <p>7. Thực hành công tác xã hội chuyên sâu 2</p> <p>8. Phúc lợi gia đình và trẻ em</p> <p>9. Quản lý trường hợp với trẻ em bị xâm hại trong trường học</p> <p>10. Quản lý trường hợp với người tâm thần</p> <p>11. Quản lý trường hợp hỗ trợ sinh kế người nghèo</p> <p>12. Tham vấn điều trị nghiện ma túy</p>	<p>thạc sĩ của cả hai trường đều tập trung theo hướng ứng dụng, tập trung trang bị cho người học những kiến thức nền tảng để người học có khả năng làm việc độc lập, phát triển tư duy sáng tạo và ứng dụng kiến thức vào các hoạt động can thiệp hỗ trợ các nhóm đối tượng trong lĩnh vực CTXH.</p> <p>Tuy nhiên có một số môn khác biệt là các môn hướng tới CTXH cá nhân, nhóm, Quản trị CTXH vì đó là một trong những đặc thù của USSH. Còn với ULSA thì tập trung nhiều hơn vào các môn liên quan tới chính sách và an sinh xã hội.</p>
--	--	--	--	--

		<p>12. Kỹ năng làm việc với người lạm dụng chất gây nghiện</p> <p>13. Thực hành trong bệnh viện</p> <p>14. Mô hình và kỹ năng can thiệp đối với bạo lực gia đình</p>	<p>13. Thực hành CTXH trong các cơ sở y tế</p> <p>14. Tham vấn cho nạn nhân bị bạo lực gia đình</p>	
Học viện phụ nữ Việt Nam (VWA)	Cấu trúc	<p>Tổng: 60 tín chỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối kiến thức chung: 4 tín chỉ - Khối kiến thức cơ sở ngành: 9 tín chỉ - Khối kiến thức chuyên ngành: 32 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 14 tín chỉ + Học phần tự chọn: 18 tín chỉ - Luận văn thạc sĩ: 15 tín chỉ 	<p>Tổng: 60 tín chỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối kiến thức chung: 6 tín chỉ - Khối kiến thức cơ sở: 12 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 6 tín chỉ + Học phần tự chọn: 6 tín chỉ - Khối kiến thức chuyên ngành: 27 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 15 tín chỉ + Học phần tự chọn: 12 tín chỉ - Thực tập: 06 tín chỉ - Đồ án tốt nghiệp 09 tín chỉ. 	<p>Tổng số lượng tín chỉ chương trình đào tạo thạc sĩ của ULSA và VWA tương đồng nhau (đều là 60 tín chỉ). Về tên gọi các khối kiến thức trong chương trình đào tạo của hai trường cũng không có sự khác biệt. Các Khối kiến thức trong chương trình đào tạo của hai trường được phân bổ khá giống nhau. Có sự khác biệt nhỏ trong Khối kiến thức chung là ngoài môn Triết học như VWA thì ULSA có thêm môn Phương pháp nghiên cứu khoa học. Với Khối kiến thức cơ sở ngành, VWA có tổng 9 tín chỉ cho 3 môn bắt buộc thì</p>

				ULSA có tổng 12 tín chỉ chia đều cho các học phần bắt buộc (6 tín chỉ) và các học phần tự chọn (6 tín chỉ).
	Nội dung	Các học phần có tên gọi khác là: 1. Phương pháp nghiên cứu chuyên sâu trong CTXH 2. Giới và An sinh xã hội 3. Hành vi con người và môi trường 4. CTXH trong chăm sóc, bảo vệ trẻ em khỏi xâm hại, bóc lột và xao nhãng 5. CTXH trong hoạt động khám và điều trị tại bệnh viện 6. Can thiệp hỗ trợ người khuyết tật	Các học phần có tên gọi khác là: 1. Nghiên cứu ứng dụng trong CTXH 2. Giới và phát triển bền vững 3. Hành vi lệch chuẩn 4. Tham vấn tâm lý cho trẻ em bị xâm hại 5. Tham vấn trong bệnh viện 6. Phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa vào cộng đồng	Đối với Khối kiến thức chung, không có sự khác biệt quá lớn giữa 2 chương trình đào tạo của 2 cơ sở đào tạo (giống nhau ở môn Triết học). Đối với Khối kiến thức cơ sở ngành, điểm khác biệt là ULSA chia thành học phần bắt buộc và tự chọn, tuy nhiên các môn học trong Khối kiến thức này ở hai trường khá tương đồng với nhau cả về nội dung môn học và số tín chỉ của mỗi học phần. Điểm khác biệt nằm ở Khối kiến thức chuyên ngành của hai trường. Điểm khác biệt thứ nhất là về tên gọi của các môn học. Ngoài nhiều môn học giống nhau thì có một số môn học khác nhau về thuật ngữ, tên gọi nhưng nội hàm và số tín chỉ tương đồng

			<p>nhau ở cả hai trường. Điểm khác biệt thứ hai tập trung ở một số môn học mang tính đặc trưng, đặc thù của mỗi trường. Chương trình đào tạo của VWA nhấn mạnh tới các môn liên quan tới kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ với phụ nữ, công tác phụ nữ (ví dụ: Giới và An sinh xã hội, CTXH trong lĩnh vực bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới, CTXH trong chăm sóc sức khỏe tâm thân cho phụ nữ,...) thì chương trình của ULSA nhấn mạnh nhiều hơn các môn liên quan tới an sinh và chính sách; các nhóm đối tượng thuộc bảo trợ xã hội (ví dụ: Kỹ năng lãnh đạo và quản lý, Công tác xã hội với An sinh xã hội, Phúc lợi gia đình và trẻ em,...)</p> <p>Nhìn chung Chương trình đào tạo thạc sĩ năm 2021 của VWA và ULSA khá tương đồng cả về cấu trúc chương trình, sự phân bổ các Khối kiến thức</p>
--	--	--	--

				và số tín chỉ các môn học cũng như nội dung của chương trình đào tạo đều hướng đến việc trang bị cho người học các kiến thức tổng hợp, chuyên môn sâu rộng để có năng lực làm việc độc lập, trở thành các nhà thực hành dịch vụ xã hội.
--	--	--	--	---

Bảng 2.10. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo nước ngoài

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình đào tạo tham khảo	Chương trình đào tạo CTXH – ULSA	Mức độ tương đồng
California University United State	Cấu trúc	Chương trình thạc sĩ Công tác xã hội của California University United State được thiết kế bao gồm hai Khối kiến thức: - Khối kiến thức nền tảng - Khối kiến thức nâng cao Khối kiến thức nền tảng trang bị cho người học tư duy phân biện, hiểu biết về các	Chương trình thạc sĩ Công tác xã hội ULSA có tổng 60 tín chỉ, bao gồm: - Khối kiến thức chung: 6 tín chỉ - Khối kiến thức cơ sở: 12 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 6 tín chỉ + Học phần tự chọn: 6 tín chỉ - Khối kiến thức chuyên ngành: 27 tín chỉ + Học phần bắt buộc: 15 tín chỉ	Chương trình của ULSA và trường California University United State cơ bản là tương đồng cấu trúc các Khối kiến thức và sự phân bổ các môn học trong các Khối kiến thức. Cách thức phân bổ có chút khác biệt khi trường University United State

		<p>giá trị, tiêu chuẩn đạo đức và nguyên tắc của nghề công tác xã hội, cách áp dụng các kỹ năng thực hành công tác xã hội tổng quát... Khối kiến thức nâng cao chuẩn bị cho người học biết cách thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp một cách độc lập. Người học phải hoàn thành chương trình trong 2 năm. Riêng Khối kiến thức nâng cao được thiết kế trong 2 học kỳ.</p>	<p>+ Học phân tự chọn: 12 tín chỉ -Thực tập: 06 tín chỉ - Đồ án tốt nghiệp 09 tín chỉ.</p>	<p>phân chia theo đơn vị học kỳ còn ULSA phân chia khối lượng kiến thức theo tín chỉ. Tuy nhiên về cơ bản 2 chương trình là tương đồng về mặt cấu trúc các môn học</p>
	Nội dung	<p>Các học phần trong Chương trình đào tạo: Khối kiến thức nền tảng gồm: Quan điểm Công tác Xã hội về Hành vi Con người I Quan điểm Công tác Xã hội về Hành vi Con người II</p>	<p>Các học phần trong chương trình đào tạo ULSA: mặc dù nhiều môn tên gọi có khác nhưng đa số các học phần khá giống với. Sức khỏe hành vi trong CTXH Phúc lợi gia đình và trẻ em</p>	<p>Về nội dung cơ bản 2 chương trình có các học phần trong Khối kiến thức nền tảng và nâng cao là khá tương đồng như các môn liên quan tới CTXH nói chung hay các vấn đề về thực hành CTXH. Sự</p>

	<p>Thực hành Công tác xã hội I</p> <p>Thực hành Công tác xã hội II</p> <p>sách phúc lợi xã hội và dịch vụ I</p> <p>Chính sách phúc lợi xã hội và dịch vụ II</p> <p>Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội ứng dụng I</p> <p>Hướng dẫn Lĩnh vực Công tác Xã hội I</p> <p>Hướng dẫn Thực địa Công tác Xã hội II</p> <p>Thực hành Công tác xã hội với các nhóm dân cư đa dạng</p> <p>Khối kiến thức nâng cao gồm:</p> <p><i>Các học phần bắt buộc:</i></p> <p>Phúc lợi trẻ em:</p> <p>Thực hành nâng cao</p> <p>Chính sách Phúc lợi Trẻ em và Công tác Xã hội</p> <p>Sức khỏe tâm thần cộng đồng</p> <p>Sức khỏe Tâm thần Cộng đồng:</p>	<p>CTXH với an sinh xã hội</p> <p>Nghiên cứu ứng dụng trong CTXH</p> <p>Thực hành CTXH chuyên sâu 1</p> <p>Thực hành CTXH chuyên sâu 2</p> <p>...</p>	<p>khác biệt ở các môn chuyên sâu và theo hướng đặc thù của mỗi cơ sở đào tạo.</p> <p>Chương trình đào tạo của cả hai trường đều hướng đến nghiên cứu ứng dụng, trang bị cho người học khả năng làm việc độc lập và có khả năng vận dụng kiến thức các học phần để thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp một cách độc lập, sáng tạo.</p>
--	---	---	--

		<p>Thực hành Nâng cao</p> <p>Chính sách Sức khỏe Tâm thần và Công tác Xã hội</p> <p>Lão hóa: Quan điểm Đa thế hệ</p> <p>Lão hóa: Quan điểm đa thế hệ:</p> <p>Thực hành công tác xã hội nâng cao</p> <p>Lão hóa & Quan điểm đa thế hệ trong thực hành chính sách và công tác xã hội</p> <p><i>Các học phần tự chọn</i></p> <p>Tất cả học sinh đều</p> <p>Thực hành Công tác Xã hội trong Điều trị Lạm dụng Chất gây nghiện</p> <p>Quan điểm Công tác Xã hội về Tâm lý học Phát triển và Bối cảnh Gia đình</p> <p>Tâm linh, Tôn giáo và Công tác xã hội</p> <p>Thực hành Công tác Xã hội Tập</p>		
--	--	--	--	--

		trung vào Chấn thương		
--	--	-----------------------	--	--

III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

Các học phần được phân công giảng dạy bởi các khoa quản lý học phần và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với đặc tả trong chương trình đào tạo.

Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy chế đào tạo theo tín chỉ và các quy định có liên quan hiện hành của Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Trưởng khoa Công tác xã hội, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Trưởng khoa đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập.

Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật 02 năm một lần.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng